

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC Y TẾ



SAO Y BẢN CHÍNH

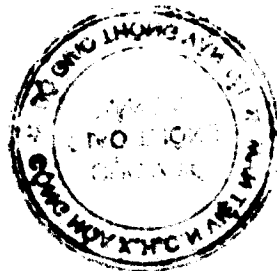
Số: 465/SY-CYT

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2016

*Nơi nhận:*

- Các đơn vị trực thuộc (Qua website Cục Y tế GTVT);
- Cục trưởng (đề b/c);
- Lưu: VT, VPCD.

KT. CỤC TRƯỞNG   
~~PHỤ SỨC TRƯỞNG~~  
  
Phạm Thành Lâm



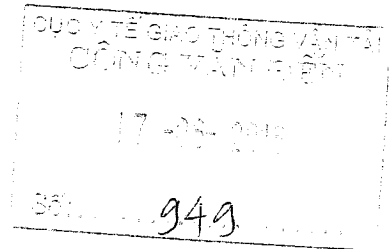
**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ**

Số: 23 /BCHQS -BGTVT

V/v thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật Dân quân tự vệ và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2016



Kính gửi : Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao Thông vận tải.

Để triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về Dân quân tự vệ và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng . Ban Chỉ huy quân sự Bộ Giao thông vận tải phổ thông 03 văn bản:

- Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

- Hướng dẫn số 90/HD-HĐGDQPAN của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương ngày 31 tháng 5 năm 2016 về Danh mục đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

- Thông tư số 65/2016/TT-BQP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định về trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Tổng Cục Đường bộ, các Cục, Viện, Trường thuộc Bộ;
- Các Tổng Công ty, Công ty, Ban quản lý dự án, thuộc Bộ;
- Vụ Tổ chức cán bộ, Ban CHQS Cơ quan Bộ;
- Lưu VT, Ban CHQS Bộ GTVT.

**CHỈ HUY TRƯỞNG**

**Nguyễn Nhật**

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC DÂN QUÂN TỰ VỆ	
Số: 79/K/Att	TTM
Ngày tháng năm 2015	

NC  
2

Số: 133/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2015

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG
SỐ ĐẾN: 15 A
NGÀY: 01/01/2016

**NGHỊ ĐỊNH**

Quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;*

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 26 tháng 6 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 07 tháng 4 năm 1997;*

*Căn cứ Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển ngày 26 tháng 01 năm 2008;*

*Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo tại Khoản 2 Điều 40; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở tại Khoản 2 Điều 41; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng tại Khoản 2 Điều 43; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong phối hợp hoạt động.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Dân quân tự vệ, Kiểm lâm, Kiểm ngư.
2. Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Công an cấp xã.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp hoạt động**

1. Đơn vị Dân quân tự vệ phối hợp hoạt động phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức cùng cấp.
2. Đơn vị Dân quân tự vệ phối hợp hoạt động phải đúng nhiệm vụ quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 của Nghị định này và quy chế, kế hoạch phối hợp.
3. Đơn vị Dân quân tự vệ trong thời gian phối hợp hoạt động chịu sự điều hành, chỉ huy của người đứng đầu đơn vị chủ trì phối hợp.
4. Phối hợp hoạt động phải đoàn kết, thống nhất, chủ động hỗ trợ lẫn nhau, không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ riêng, công việc nội bộ, giữ bí mật về lực lượng, phương tiện và biện pháp nghiệp vụ của từng lực lượng.

## **Điều 4. Quy chế phối hợp hoạt động**

### **1. Thẩm quyền ban hành quy chế**

a) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an cấp tỉnh, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển, Chi cục Kiểm ngư Vùng, đơn vị Quân đội nhân dân cấp sư đoàn, lữ đoàn và tương đương, đơn vị Công an nhân dân trực thuộc Bộ Công an đứng chân trên địa bàn có hoạt động phối hợp với Dân quân tự vệ chủ trì, trao đổi, thống nhất với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh) xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, cùng ký và tổ chức thực hiện;

b) Đồn Biên phòng, Hạt Kiểm lâm, Công an cấp huyện, đơn vị Quân đội nhân dân cấp trung đoàn, tiểu đoàn trực thuộc cấp sư đoàn và tương đương trở lên, đơn vị Công an nhân dân trực thuộc Công an cấp tỉnh đứng chân trên địa bàn có hoạt động phối hợp với Dân quân tự vệ chủ trì, trao đổi, thống nhất với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, cùng ký và tổ chức thực hiện;

c) Công an cấp xã có hoạt động phối hợp với Dân quân tự vệ chủ trì, trao đổi, thống nhất với Ban Chỉ huy quân sự cùng cấp, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động cùng ký và tổ chức thực hiện;

d) Các đơn vị Quân đội nhân dân cấp tiểu đoàn, đại đội trực thuộc cấp trung đoàn và tương đương trở lên, Kiểm lâm, đơn vị chủ rừng đứng chân trên địa bàn có hoạt động phối hợp với Dân quân tự vệ, chủ trì, trao đổi, thống nhất với Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, cùng ký và tổ chức thực hiện;

đ) Một cơ quan, đơn vị có Dân quân tự vệ có thể phối hợp xây dựng quy chế với một hoặc nhiều cơ quan, đơn vị chủ trì; một cơ quan, đơn vị chủ trì có thể xây dựng quy chế phối hợp với một hoặc nhiều cơ quan, đơn vị có Dân quân tự vệ.

2. Quy chế phối hợp hoạt động gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Căn cứ pháp lý;

b) Quy định chung;

c) Nội dung phối hợp hoạt động;

d) Công tác bảo đảm;

đ) Tổ chức thực hiện;

e) Điều khoản thi hành.

3. Hằng năm, cơ quan, đơn vị chủ trì, Công an cấp xã có trách nhiệm rà soát, thống nhất với cơ quan, đơn vị, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, điều chỉnh, bổ sung quy chế phối hợp hoạt động cho phù hợp.

**Điều 5. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ theo quy chế phối hợp hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo**

1. Bảo vệ biên giới đất liền

a) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh có biên giới đất liền điều động Dân quân tự vệ trong địa bàn cấp tỉnh theo quy chế phối hợp hoạt động khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tư lệnh quân khu;

b) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện có biên giới đất liền điều động Dân quân tự vệ trong địa bàn cấp huyện theo quy chế phối hợp hoạt động khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

c) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã biên giới, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở đứng chân trên địa bàn điều động Dân quân tự vệ thuộc quyền làm nhiệm vụ trong phạm vi của cấp xã, cơ quan, tổ chức theo quy chế phối hợp hoạt động khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

## 2. Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam

a) Tư lệnh Quân chủng Hải quân điều động Dân quân tự vệ biển theo quy chế phối hợp hoạt động sâu khi thống nhất với Tư lệnh quân khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có Dân quân tự vệ biển;

b) Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở điều động Dân quân tự vệ biển theo quy chế phối hợp hoạt động với Cảnh sát biển, Kiểm ngư khi được nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và người đứng đầu cơ quan, tổ chức cùng cấp.

## **Điều 6. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ theo quy chế phối hợp hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở**

1. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ trong trạng thái thường xuyên, trạng thái có tình huống

Thực hiện theo quy chế phối hợp hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở và quy định tại Khoản 1 Điều 44 Luật Dân quân tự vệ.

2. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ trong tình trạng khẩn cấp khi có tình hình đe dọa nghiêm trọng an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điều động Dân quân tự vệ theo lệnh của người đứng đầu Bộ Chỉ huy tình trạng khẩn cấp;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng điều động Dân quân tự vệ thuộc quyền theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

c) Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh điều động Dân quân tự vệ theo lệnh của người đứng đầu Sở chỉ huy tình trạng khẩn cấp ở cấp tỉnh, sau khi thống nhất với Tư lệnh quân khu;

d) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện điều động Dân quân tự vệ theo lệnh của người đứng đầu Sở chỉ huy tình trạng khẩn cấp ở cấp tỉnh và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp;

đ) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở) quyết định điều động đơn vị Dân quân tự vệ thuộc quyền theo lệnh của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở cơ sở.

3. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thực hiện Lệnh giới nghiêm

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điều động Dân quân tự vệ theo lệnh của người đứng đầu Bộ chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng điều động dân quân tự vệ thuộc quyền theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

c) Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh điều động Dân quân tự vệ theo lệnh của người đứng đầu Ban chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng ở quân khu;

d) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện điều động dân quân tự vệ theo lệnh của người đứng đầu Sở chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng ở cấp tỉnh và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp;

đ) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở) quyết định điều động đơn vị Dân quân tự vệ thuộc quyền theo lệnh của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở cơ sở.

4. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ thực hiện Lệnh thiết quân luật

Chủ tịch Ủy ban quân sự cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có quyền quyết định điều động, sử dụng Dân quân tự vệ tại địa bàn thiết quân luật để xử lý các tình huống và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó.

**Điều 7. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ theo quy chế phối hợp hoạt động bảo vệ và phòng, chống cháy rừng**

1. Thực hiện theo quy chế phối hợp hoạt động trong công tác bảo vệ và phòng, chống cháy rừng và quy định tại Khoản 1 Điều 44 Luật Dân quân tự vệ.

2. Trường hợp có tình huống đột xuất, Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở) điều động kịp thời Dân quân tự vệ làm nhiệm vụ và báo cáo cấp trên trực tiếp, thông báo cho cơ quan Kiểm lâm, đơn vị chủ rừng.



## **Điều 8. Kế hoạch phối hợp hoạt động**

1. Căn cứ quy chế phối hợp hoạt động, hằng năm, quý, tháng hoặc nhiệm vụ đột xuất, cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị có Dân quân tự vệ phối hợp hoạt động thống nhất xây dựng hoặc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, ký, trình cấp trên trực tiếp phê duyệt.

2. Kế hoạch phối hợp hoạt động trong trạng thái thường xuyên, trạng thái có tình huống, gồm có các nội dung chính sau:

- a) Căn cứ;
- b) Mục đích, yêu cầu;
- c) Nhiệm vụ phối hợp;
- d) Thành phần tham gia;
- đ) Thời gian, địa điểm;
- e) Công tác bảo đảm;
- g) Tổ chức thực hiện;
- h) Phân công chỉ huy.

3. Kế hoạch phối hợp hoạt động trong tình trạng khẩn cấp khi có tình hình đe dọa nghiêm trọng an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm, thực hiện theo lệnh của người đứng đầu cơ quan chỉ huy tình trạng khẩn cấp các cấp, Ủy ban quân sự các cấp tại địa bàn thiết quân luật, người có thẩm quyền điều động, sử dụng Dân quân tự vệ trong từng tình trạng, tình huống.

## **Điều 9. Trao đổi thông tin, giao ban, sơ kết, tổng kết**

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp hoạt động, thường xuyên và đột xuất trao đổi thông tin có liên quan.

2. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức (nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở) phối hợp với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức giao ban mỗi tháng một lần; sơ kết sáu tháng đầu năm và tổng kết hằng năm về hoạt động phối hợp.

3. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phối hợp với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức giao ban vào cuối quý I, cuối quý III; sơ kết sáu tháng đầu năm và tổng kết hằng năm về hoạt động phối hợp.

4. Cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh phối hợp với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức sơ kết sáu tháng đầu năm và tổng kết hằng năm về hoạt động phối hợp.

5. Căn cứ tình hình, nhiệm vụ, việc giao ban, sơ kết, tổng kết về phối hợp hoạt động có thể lồng ghép vào giao ban, sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị chủ trì.

### **Điều 10. Kiểm tra phối hợp hoạt động**

1. Định kỳ hoặc đột xuất, cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất xây dựng kế hoạch kiểm tra phối hợp hoạt động, trình cấp trên trực tiếp phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Định kỳ hoặc đột xuất, cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo kế hoạch kiểm tra phối hợp hoạt động của các cơ quan, đơn vị, thống nhất với cơ quan, đơn vị có lực lượng phối hợp, trình cấp trên trực tiếp phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Đối tượng kiểm tra: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến phối hợp hoạt động với Dân quân tự vệ theo kế hoạch kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 11. Kinh phí phối hợp hoạt động**

1. Kinh phí đảm bảo cho phối hợp hoạt động được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì hoạt động phối hợp theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

## **Chương II**

### **PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ VỚI CÁC LỰC LƯỢNG**

#### **Mục 1**

### **PHỐI HỢP CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ BIÊN GIỚI, BIỂN, ĐẢO**

### **Điều 12. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong bảo vệ biên giới đất liền**

1. Phối hợp với đơn vị Bộ đội Biên phòng và lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản, pháp luật có liên quan và chủ trương, biện pháp của cấp ủy, chính quyền địa phương về bảo vệ biên giới đất liền.

2. Phối hợp với đơn vị Bộ đội Biên phòng và lực lượng liên quan bảo vệ đường biên giới quốc gia, hệ thống dấu hiệu mốc quốc giới, đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm lãnh thổ biên giới, vượt biên, nhập cư, cư trú trái phép, khai thác trái phép tài nguyên và những hành vi khác xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, an ninh, trật tự, gây hại môi trường ở khu vực biên giới và các hành vi làm phương hại đến quan hệ hữu nghị với các nước có chung đường biên giới.

3. Phối hợp với đơn vị Bộ đội Biên phòng và lực lượng liên quan đấu tranh chống âm mưu và hành động của các thế lực thù địch, phản cách mạng, gián điệp, thổ phi, biệt kích, các tội phạm khác xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới trên đất liền.

4. Phối hợp với đơn vị Bộ đội Biên phòng và lực lượng liên quan đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển trái phép vũ khí, chất cháy, chất nổ, chất độc hại, ma tuý, văn hoá phẩm độc hại, hàng hoá cấm xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới theo quy định của pháp luật, truy đuổi, bắt giữ người, phương tiện vi phạm pháp luật từ biên giới vào nội địa.

5. Phối hợp với đơn vị Bộ đội Biên phòng và lực lượng liên quan huấn luyện, diễn tập bảo vệ chủ quyền biên giới đất liền và thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao.

### **Điều 13. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam**

1. Phối hợp với các đơn vị Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản, pháp luật có liên quan và chủ trương, biện pháp của cấp ủy, chính quyền địa phương về bảo vệ biển, đảo.

2. Phối hợp với các đơn vị Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và lực lượng liên quan đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam.

3. Phối hợp với các đơn vị Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và lực lượng liên quan nắm tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn, an ninh, trật tự, các hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam, báo cáo người chỉ huy trực tiếp và thông báo kịp thời cho đơn vị chủ trì.

4. Phối hợp với các đơn vị Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và lực lượng liên quan tuần tra, ngăn chặn, xua đuổi, bắt giữ người, phương tiện, tàu, thuyền vi phạm pháp luật Việt Nam, chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam; bảo vệ ngư dân, ngư trường và tài nguyên biển.

5. Phối hợp huấn luyện, diễn tập, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao.

## Mục 2

### PHỐI HỢP CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI Ở CƠ SỞ

#### Điều 14. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong trạng thái thường xuyên

1. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản, pháp luật có liên quan và chủ trương, biện pháp của cấp ủy, chính quyền địa phương về bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

2. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan nắm tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn; định kỳ hoặc đột xuất trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan cho Công an cấp xã.

3. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan tuần tra, canh gác, tăng cường bảo vệ các mục tiêu theo quy chế, kế hoạch phối hợp hoạt động.

4. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; bảo vệ an ninh, trật tự; bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn cấp xã.

5. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan quản lý thường trú, tạm trú, tạm vắng; quản lý chất lượng chính trị công dân liên quan đến đào tạo nhân lực phục vụ cho quốc phòng, an ninh; tiếp nhận, thu gom, phân loại, xử lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép và ngoài luồng; phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; quản lý về an ninh, trật tự.

6. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh trật tự, an toàn xã hội; tổ chức cấp cứu nạn nhân, bảo vệ hiện trường và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị hại, người biết vụ việc, thu giữ, bảo quản vật chứng theo quy định của pháp luật; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng, thông tin thu thập được cho cơ quan Công an có thẩm quyền.

7. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan kiểm tra việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng và thu giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép, ngoài luồng, bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẫn trốn trên địa bàn cấp xã, dẫn giải người bị bắt lên cơ quan Công an có thẩm quyền.

8. Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan huấn luyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ; diễn tập bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; diễn tập phòng thủ dân sự và thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao.

### **Điều 15. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong trạng thái có tình huống**

Khi xảy ra tình huống tranh chấp, khiếu kiện đông người, có hành vi vi phạm pháp luật, phá hoại tài sản của Nhà nước, tập thể và nhân dân ở cơ sở, biểu tình trái phép, Dân quân tự vệ thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giải quyết, xử lý tranh chấp, khiếu kiện có hành vi vi phạm pháp luật; phá hoại tài sản của Nhà nước, tập thể và nhân dân; chủ trương, biện pháp của cấp ủy, chính quyền cấp xã, cơ quan, tổ chức ở cơ sở trên địa bàn.

2. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan nắm tình hình, báo cáo cấp ủy, chính quyền cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, thông báo kịp thời với Công an có thẩm quyền.

3. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan tăng cường tuần tra, canh gác, bảo vệ các mục tiêu trên địa bàn: Trụ sở của Đảng, chính quyền cơ sở và trụ sở của cơ quan, tổ chức các cấp; đài phát thanh, đài truyền hình; trung tâm thông tin, bưu chính, viễn thông, cơ quan thông tấn, báo chí, ngân hàng, kho bạc, sân bay, bến cảng, kho tàng, đầu mối giao thông quan trọng, công trình quốc phòng; trụ sở các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế; trại giam, trại tạm giam và mục tiêu khác được giao.

4. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, bắt giữ đối tượng chủ mưu, cầm đầu, kích động phá hoại tài sản, phạm pháp quả tang và phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan khắc phục hậu quả, ổn định tình hình, báo cáo.

6. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan huấn luyện, diễn tập bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

### **Điều 16. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong tình trạng khẩn cấp khi có tình hình đe dọa nghiêm trọng an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội**

Khi xảy ra bạo loạn chính trị, khủng bố, bắt cóc con tin, bạo loạn vũ trang ở cơ sở, dân quân tự vệ thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan nắm tình hình, kịp thời trao đổi thông tin, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở cơ sở điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án giải quyết, xử lý.

2. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của thế lực thù địch và đối tượng chủ mưu, cầm đầu, không để bị kích động, lôi kéo, lợi dụng.

3. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan tăng cường tuần tra, canh gác, bảo vệ mục tiêu: Trụ sở của Đảng, chính quyền cơ sở và trụ sở của cơ quan, tổ chức các cấp; đài phát thanh, đài truyền hình; trung tâm thông tin, bưu chính, viễn thông, cơ quan thông tấn, báo chí, ngân hàng, kho bạc, sân bay, bến cảng, biên giới quốc gia, cửa khẩu, kho tàng, đầu mối giao thông quan trọng, công trình quốc phòng, an ninh, trại giam, trại tạm giam; trụ sở các cơ quan ngoại giao và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và mục tiêu khác được giao.

4. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan giải thoát con tin; bắt giữ đối tượng chủ mưu, cầm đầu, đối tượng phạm pháp quả tang, người có hành vi vi phạm pháp luật.

5. Phối hợp với Công an cấp xã, đơn vị Bộ đội Biên phòng và lực lượng khác bắt giữ, trấn áp, tiêu diệt lực lượng bạo loạn có vũ trang, đánh chiếm lại mục tiêu.

6. Phối hợp với các đơn vị Quân đội và lực lượng khác sẵn sàng tiêu diệt lực lượng bạo loạn bên trong có sự can thiệp của lực lượng địch từ bên ngoài.

7. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan khắc phục hậu quả, ổn định tình hình, báo cáo.

**Điều 17. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thực hiện lệnh thiết quân luật, lệnh giới nghiêm**

1. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong thực hiện lệnh thiết quân luật

a) Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trên địa bàn và lực lượng liên quan nắm, tổng hợp tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn, kịp thời báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, thông báo với Công an cấp xã; phối hợp với Công an cấp xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tham mưu cho người chỉ huy đơn vị Quân đội được cấp có thẩm quyền giao làm Chủ tịch Ủy ban quân sự cấp xã về thi hành Lệnh thiết quân luật và tổ chức lại bộ máy chính quyền cấp xã; đề xuất danh sách cán bộ dân quân thuộc quyền trực tiếp quản lý ở thôn;

c) Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trên địa bàn, lực lượng liên quan tăng cường bảo vệ các mục tiêu: Trụ sở của Đảng, chính quyền cơ sở và trụ sở của cơ quan, tổ chức các cấp; đài phát thanh, đài truyền hình; trung tâm thông tin, bưu chính, viễn thông, cơ quan thông tấn, báo chí, ngân hàng, kho bạc, sân bay, bến cảng, biên giới quốc gia, cửa khẩu, kho tàng, đầu mối giao thông quan trọng, công trình quốc phòng, an ninh, trại giam, trại tạm giam; trụ sở các cơ quan ngoại giao và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và mục tiêu khác được giao;

d) Tham gia đội công tác đặc biệt liên ngành, đội tuần tra đặc biệt liên ngành trong khu vực ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng do người chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam chủ trì, chỉ huy; theo nhiệm vụ của Dân quân tự vệ, tham gia thực hiện các biện pháp áp dụng khi có Lệnh thiết quân luật quy định tại Điều 15 Nghị định số 32/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quốc phòng về tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm;

đ) Tổng hợp tình hình báo cáo.

## 2. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong thực hiện Lệnh giới nghiêm

a) Phối hợp với Công an cấp xã, lực lượng liên quan nắm, tổng hợp, báo cáo tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức cùng cấp về chủ trương, biện pháp thực hiện Lệnh giới nghiêm; báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

b) Phối hợp với Công an cấp xã thi hành Lệnh giới nghiêm trên địa bàn;

c) Phối hợp với các đơn vị Công an nhân dân, Quân đội nhân dân thực hiện nhiệm vụ tại các trạm, chốt canh gác, bắt giữ những người có hành vi vi phạm Lệnh giới nghiêm, giao cho cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với các đơn vị Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, lực lượng liên quan trên địa bàn chốt giữ, bảo vệ các mục tiêu: Trụ sở của Đảng, chính quyền cơ sở và trụ sở của cơ quan, tổ chức các cấp; đài phát thanh, đài truyền hình; trung tâm thông tin, bưu chính, viễn thông, cơ quan thông tấn, báo chí, ngân hàng, kho bạc, sân bay, bến cảng, biên giới quốc gia, cửa khẩu, kho tàng, đầu mối giao thông quan trọng, công trình quốc phòng, an ninh, trại giam, trại tạm giam; trụ sở các cơ quan ngoại giao và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và mục tiêu khác được giao;

đ) Phối hợp với các đơn vị Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo nhiệm vụ của Dân quân tự vệ tham gia thực hiện các biện pháp áp dụng khi có Lệnh giới nghiêm quy định tại Điều 19 Nghị định số 32/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quốc phòng về tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm;

e) Tổng hợp tình hình báo cáo.

### **Điều 18. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong tình trạng chiến tranh**

1. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an ninh, trật tự, phòng gian, bảo mật, phòng, chống chiến tranh tâm lý của thế lực thù địch trong tình trạng chiến tranh.

2. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

3. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và các mục tiêu trên địa bàn: Khu vực sơ tán, căn cứ hậu phương của cơ quan Đảng, chính quyền và cơ quan, tổ chức các cấp; đài phát thanh, đài truyền hình; trung tâm thông tin, bưu chính, viễn thông, cơ quan thông tấn, báo chí, ngân hàng, kho bạc, sân bay, bến cảng, biên giới quốc gia, cửa khẩu, kho tàng, đầu mối giao thông quan trọng, công trình quốc phòng, an ninh, trại giam, trại tạm giam; trụ sở các cơ quan ngoại giao và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, căn cứ chiến đấu, khu vực tập trung bí mật, sở chỉ huy và mục tiêu khác được giao.

4. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan bắt giữ, tiêu diệt biệt kích, thám báo, gián điệp; thu giữ phương tiện, khí tài trinh sát của địch; sẵn sàng đánh địch tiến công vào địa bàn.

5. Phối hợp với Công an cấp xã và lực lượng liên quan xây dựng cơ sở, bám trụ đánh địch trên địa bàn; thực hiện công tác địch vận.

### **Mục 3**

### **PHỐI HỢP CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ PHÒNG, CHỐNG CHÁY RỪNG**

#### **Điều 19. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong công tác bảo vệ rừng**

1. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản, pháp luật có liên quan và chủ trương, biện pháp của cấp ủy, chính quyền địa phương về bảo vệ rừng.



2. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan tuần tra, canh gác, kiểm tra, ngăn chặn, truy quét các hoạt động phá hoại tài nguyên rừng; tham gia lực lượng tại các trạm, chốt cửa rừng.

3. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan tháo gỡ, tiêu huỷ các loại bẫy; thu, giữ các loại súng săn trái phép; ngăn chặn các hành vi săn, bắn, bẫy, bắt, giết mổ, cất giữ, vận chuyển, mua, bán trái phép động vật rừng.

4. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan truy bắt đối tượng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng; thu giữ tang vật, bảo vệ hiện trường, báo cáo, thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền.

**Điều 20. Phối hợp của Dân quân tự vệ trong công tác phòng, chống cháy rừng**

1. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản pháp luật có liên quan và chủ trương, biện pháp của cấp ủy, chính quyền địa phương về phòng, chống cháy rừng.

2. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan xây dựng kế hoạch, phương án về phòng, chống cháy rừng.

3. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan thông báo, báo động, báo cáo kịp thời, chính xác tình hình cháy rừng.

4. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan chữa cháy rừng và khắc phục hậu quả.

5. Phối hợp với Kiểm lâm và lực lượng liên quan huấn luyện, diễn tập về bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016 và thay thế Nghị định số 74/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định về phối hợp hoạt động giữa dân quân tự vệ với lực lượng Công an xã, phường, thị trấn, lực lượng Kiểm lâm và các lực lượng khác trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong công tác bảo vệ rừng và các quy định trái với Nghị định này.

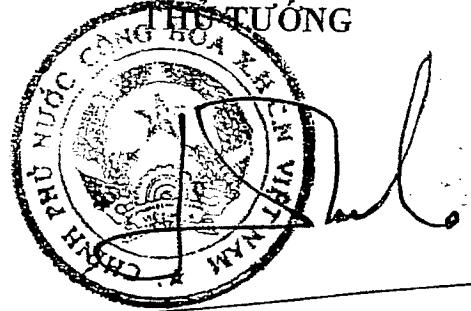
## Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. //

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội; ☹
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam; 0
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (3b).M 425

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



**HỘI ĐỒNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG  
VÀ AN NINH TRUNG ƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90 /HD-HĐGDQPAN

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2016

## **HƯỚNG DẪN**

### **Danh mục đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh**

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-TW ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ;

Căn cứ Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giáo dục quốc phòng và an ninh;

Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương hướng dẫn danh mục đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh như sau:

#### **I. DANH MỤC CÁC ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

##### **1. Đối tượng 1:**

a) Các cơ quan, tổ chức ở trung ương:

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (chính thức và dự khuyết);

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu:

+ Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các Ban Đảng ở Trung ương; Đảng ủy ngoài nước, Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương; Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương; Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản; Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật;

+ Đại sứ quán, Lãnh sự quán Việt Nam ở nước ngoài;

+ Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban và các cơ quan của Quốc hội; Kiểm toán Nhà nước; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

+ Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương.

- Ủy viên Ủy ban kiểm tra Trung ương; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối cơ quan Trung ương, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương.

- Các chức danh: Trợ lý Tổng Bí thư, Trợ lý Chủ tịch nước, Trợ lý Thủ tướng Chính phủ; Trợ lý Chủ tịch Quốc hội; Trợ lý của Ủy viên Bộ Chính trị; chuyên gia cao cấp.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổng cục thuộc bộ.

- Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Chủ tịch công ty, Bí thư, Phó Bí thư chuyên trách các tập đoàn kinh tế, tổng công ty do Thủ tướng quyết định thành lập và các doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Đồng bằng Sông Cửu Long, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Đại biểu Quốc hội.

d) Sĩ quan cấp Tướng đang công tác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân (các đối tượng khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân không phải là sĩ quan cấp tướng thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

đ) Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên (không thuộc các chức danh tại điểm c, b, c, d Mục này).

## 2. Đối tượng 2:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cục, vụ, viện, ban, văn phòng và người có hàm Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng thuộc các cơ quan, tổ chức ở Trung ương; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra bộ, cơ quan

ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổng cục và tương đương, cục thuộc bộ; Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoặc Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương của tổng cục thuộc bộ; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và tương đương thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam; Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch chuyên trách, Ủy viên Thường vụ chuyên trách, Trưởng ban chuyên trách công đoàn ngành Trung ương và tương đương; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Ủy viên Thường trực Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng đoàn thể trung ương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng nghiệp vụ, Viện trưởng, Phó Viện trưởng nghiệp vụ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và tương đương thuộc đại học quốc gia, đại học vùng và trường đại học trọng điểm; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề và các chức danh tương đương; Trưởng phòng và tương đương thuộc đại học quốc gia, đại học vùng và trường đại học trọng điểm; Giám đốc, Phó Giám đốc bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương thuộc các tổ chức sự nghiệp thể dục thể thao thuộc các bộ, ngành ở trung ương; Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập báo ngành; Trưởng ban, Phó Trưởng ban Quản lý khu công nghiệp.

b) Kế toán trưởng, Trưởng ban (phòng), Phó Trưởng ban (phòng), Chủ tịch Công đoàn, Kiểm soát viên chuyên trách thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tổng công ty nhà nước đặc biệt; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và tương đương ở các tổng công ty, công ty và các cơ quan đơn vị cấp một thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tổng công ty nhà nước đặc biệt; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự thuộc các cơ quan, tổ chức ở Trung ương; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan đơn vị, trực thuộc các cơ quan, tổ chức ở trung ương; Phó Trưởng ban và tương đương Ban Quản lý khu công nghiệp.

c) Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các ban, sở, ngành và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy và Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phó Chủ nhiệm và Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kiểm tra, Phó Trưởng ban các Ban của Đảng cấp tỉnh; Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội; Trưởng ban, Ủy viên chuyên trách

mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch công đoàn ngành cấp tỉnh; Chánh án, Phó Chánh án, Chánh toà, Phó Chánh toà, toà án nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp tỉnh; Chánh Thanh tra sở, ngành cấp tỉnh; Chi Cục trưởng, Phó Chi Cục trưởng thuộc sở cấp tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình cấp tỉnh; Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập báo địa phương.

d) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty chuyên trách, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của các tổng công ty đặc biệt, tổng công ty và tương đương; Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty đặc biệt; Kế toán trưởng của các tập đoàn kinh tế.

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

e) Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,3 (trừ các chức danh tại điểm a, b, c Mục này).

### **3. Đối tượng 3:**

a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và người có phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý tương đương thuộc các cơ quan, tổ chức ở Trung ương; Trưởng ban, Phó Trưởng ban (thuộc vụ), Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng (thuộc ban) và các tổ chức tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc cơ quan mặt trận và đoàn thể trung ương và tương đương; Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách công đoàn ngành Trung ương và tương đương; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Báo Nhân dân và Tạp chí Cộng sản, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính Quốc gia; Trưởng phòng và tương đương, Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa Học viện khu vực I, II, III, IV thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Báo chí Tuyên truyền; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các tổ chức sự nghiệp thể dục thể thao trực thuộc các bộ, ngành ở Trung ương; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm khoa, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương thuộc các học viện, trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, trung học phổ thông; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và tương đương thuộc báo ngành.

b) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương ở các cơ quan, đơn vị cấp 1 thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng, Phó Trưởng

phòng và tương đương ở các cơ quan đơn vị cấp 2, cấp 3 thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó, cán bộ chuyên trách công tác quốc phòng Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan đơn vị, trực thuộc các cơ quan, tổ chức ở trung ương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ban quản lý khu công nghiệp; người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có quy mô vừa trở lên.

c) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương; Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các tổng công ty thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các Ban Đảng cấp tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Trường Chính trị cấp tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra thuộc Thanh tra sở cấp tỉnh; Phó trưởng ban Đảng, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng cấp huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng báo địa phương; Đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh; đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II, III và quận thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng Ban chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II; Chánh án, Phó Chánh án tòa án nhân dân cấp huyện; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng nghiệp vụ Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương thuộc các tổ chức sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

d) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty chuyên trách, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của các Công ty cấp I, II, III; Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc của các tổng công ty và tương đương, Công ty cấp I, II, III; Kế toán trưởng của các tổng công ty đặc biệt, tổng công ty và tương đương, Công ty cấp I, II, III; Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương Ban Quản lý khu công nghiệp.

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

e) Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước có hệ số phụ cấp chức vụ từ dưới 0,7 không thuộc đối tượng 2 và 4 (trừ các chức danh tại điểm a, b, c Mục này).

#### **4. Đối tượng 4:**

a) Chuyên viên không thuộc đối tượng 1, 2, 3; Biên tập viên báo, đài Trung ương, địa phương và báo ngành; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm bộ môn, giảng viên các trường đại học, cao đẳng; chuyên viên, viên chức các sở, ngành, đoàn thể và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;



Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non; giáo viên các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở; Bí thư, Phó Bí thư chi bộ, người đứng đầu các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh, huyện và các chức danh tương đương thuộc cơ quan, tổ chức ở trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh, huyện.

b) Công chức cán bộ không chuyên trách cấp xã (không thuộc đối tượng 3); Bí thư, Phó Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản, ấp, buôn, sóc, khóm, tổ dân phố, cụm dân cư, khu phố (dưới đây gọi chung là cấp thôn). Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm hợp tác xã thuộc xã; Trưởng các đoàn thể cấp thôn.

c) Người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước hoạt động phục vụ quốc phòng và an ninh, hoạt động ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; người quản lý đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

đ) Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

**5. Đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư:**

a) Thành viên Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Hoà thượng, Thượng tọa, Đại đức, Ni trưởng, Ni sư của đạo Phật; thành viên Ban Thường vụ, Chủ tịch các Ủy ban Hội đồng Giám mục Việt Nam; Hồng y, Tổng Giám mục, Giám mục, Giám mục phó, Giám mục phụ tá, Giám quản và người đứng đầu các dòng tu của đạo Công giáo; thành viên Ban Trị sự Trung ương của các Hội thánh Tin lành; thành viên Hội đồng Chương quản, Hội đồng Hội thánh, Ban Thường trực Hội thánh, Phối sư và chức sắc tương đương trở lên của các Hội thánh Cao đài; thành viên Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo; những chức vụ, phẩm trật tương đương của các tổ chức tôn giáo khác; người đứng đầu các trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo không thuộc đối tượng 1, 2, 3, 4 quy định tại Hướng dẫn này; các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Các đối tượng nêu trong điểm a Mục này, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tại trường chính trị cấp tỉnh.

b) Chức việc tôn giáo, già làng, trưởng họ tộc; cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp (trừ người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu) của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và tổ chức khác.

Các đối tượng nêu trong điểm b Mục này, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

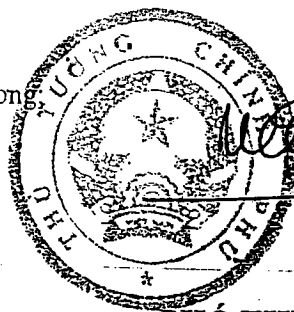
1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp căn cứ hướng dẫn này để tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị kịp thời trao đổi với cơ quan Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương (Cục Dân quân tự vệ, Bộ Tổng Tham mưu) để xem xét, giải quyết./.

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng GDQPAN các quân khu: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9;
- Hội đồng GDQPAN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Xuân Thành, TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, KGVX, Công báo;
- Lưu: VT, HGDQPAN (3b).XH 276

CHỦ TỊCH



PHÓ THỦ TƯỚNG  
Vũ Đức Đam

BỘ TỔNG THAM MƯU  
CỤC DÂN QUÂN TỰ VỆ

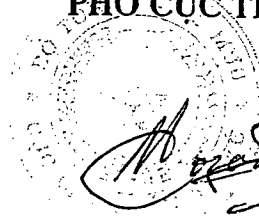
SAO Y BẢN CHÍNH  
Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2016

Số: 14/SY-DQ

### Nơi nhận:

- Bộ CHQS các tỉnh, TP;
- Ban CHQS Bộ, ngành TW;
- TT cục;
- Phòng, ban, Tạp chí DQTV-GDQP;
- TLCT;
- Lưu: VT, GDQP; G 160.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Thiếu tướng Hồ Xuân Thức

**BỘ QUỐC PHÒNG**

Số: 65/2016/TT-BQP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2016

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ**

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 30 tháng 6 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Xét đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư Quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết thi hành Điều 31 Luật Dân quân tự vệ và một số Điều của Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30 tháng 6 năm 2011 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sau đây viết tắt là Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12) và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sau đây viết tắt là Nghị định số 25/2012/NĐ-CP) đối với dân quân tự vệ, gồm: Tiêu chuẩn của người được giao bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ; trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ.

2. Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; cơ quan quân sự địa phương các cấp; Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; đơn vị dân quân tự vệ.

3. Công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức của Việt Nam có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú và hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vũ khí gồm: Vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

2. Vũ khí quân dụng gồm:

a) Súng cầm tay hạng nhỏ: Là vũ khí được thiết kế cho cá nhân sử dụng gồm súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự;

b) Vũ khí hạng nhẹ gồm: Súng đại liên, súng cối dưới 100 mi-li-mét, (mm), súng ĐKZ, súng máy phòng không dưới 23 mm, súng phóng lựu, tên lửa chống tăng cá nhân, tên lửa phòng không vác vai, các loại vũ khí hạng nhẹ khác có tính năng, tác dụng tương tự;

c) Các loại bom, mìn, lựu đạn, đạn, ngư lôi, thủy lôi, hỏa cụ;

d) Vũ khí không thuộc danh mục vũ khí do Chính phủ ban hành, nhưng có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

3. Vũ khí thể thao: Là súng và các loại vũ khí thô sơ dùng để luyện tập, thi đấu thể thao.

### **Điều 4. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của dân quân tự vệ được giao bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ**

1. Cán bộ dân quân tự vệ được giao bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân ở cấp xã, đơn vị dân quân tự vệ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Đã hoàn thành chương trình huấn luyện dân quân tự vệ; phòng cháy, chữa cháy; biết tính năng, kỹ chiến thuật và biết sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang bị phòng cháy, chữa cháy;

b) Nắm vững nội quy, chế độ quản lý, bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Cán bộ dân quân tự vệ được giao quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ có trách nhiệm:

a) Quản lý về số lượng và đồng bộ, đăng ký, giao, nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ đúng mẫu biểu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thực hiện chế độ kiểm tra, bảo quản theo quy định và có biện pháp phòng, chống han gỉ, mối mọt, ẩm mốc, mất mát, cháy nổ.

#### **Điều 5. Thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ lập thành 01 bộ, gồm:

a) Văn bản đề nghị mua công cụ hỗ trợ phải nêu rõ: Sự cần thiết; số lượng, chủng loại; đối tượng trang bị, kinh phí và nơi mua công cụ hỗ trợ;

b) Bản sao quyết định thành lập đơn vị dân quân tự vệ (có chứng thực);

c) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nơi bán công cụ hỗ trợ (có chứng thực);

d) Giấy giới thiệu kèm theo Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân, Giấy Chứng minh sĩ quan, Chứng minh quân đội còn giá trị sử dụng.

2. Nơi tiếp nhận hồ sơ

a) Cơ quan quân sự địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ của các đơn vị dân quân tự vệ do cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh quản lý; Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, (sau đây gọi chung là cấp huyện) và Ban Chỉ huy quân sự cấp xã quản lý;

b) Bộ Tham mưu Quân chủng Hải quân tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ cho đơn vị tự vệ thuộc Quân chủng quản lý;

c) Cơ quan chức năng của cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp quân đội quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 03/2016/NĐ-CP) tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ cho đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp thuộc quyền;

d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chức năng có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ và cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp không được mua phải trả lời bằng văn bản.

3. Thời hạn của giấy phép mua công cụ hỗ trợ là 15 (mười lăm) ngày.

4. Thẩm quyền cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ

a) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ cho các đơn vị dân quân tự vệ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Tư lệnh Quân chủng Hải quân cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ cho đơn vị tự vệ thuộc doanh nghiệp nhà nước có phương tiện, tàu thuyền hoạt động trên biển do Quân chủng Hải quân quản lý;

c) Cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp quân đội quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ.

**Điều 6. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép sử dụng súng cầm tay hạng nhỏ, công cụ hỗ trợ cho dân quân tự vệ**

1. Hồ sơ lập thành 01 bộ, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép sử dụng súng cầm tay hạng nhỏ, công cụ hỗ trợ (sau đây gọi chung là giấy phép sử dụng) của: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; Chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

Đối với Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở thuộc doanh nghiệp nhà nước có phương tiện tàu, thuyền hoạt động trên biển do Quân chủng Hải quân quản lý thì văn bản đề nghị cấp giấy phép sử dụng của tự vệ được gửi đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi doanh nghiệp có trụ sở; doanh nghiệp quân đội có tự vệ, văn bản đề nghị được gửi đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động;

b) Bản sao quyết định thành lập đơn vị dân quân tự vệ (có chứng thực); danh sách đề nghị cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ được cấp giấy phép sử dụng;

c) Giấy giới thiệu kèm theo Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân; Giấy chứng minh sĩ quan, Chứng minh quân đội còn giá trị sử dụng.

2. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng; trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện; trường hợp không được cấp giấy phép sử dụng phải trả lời bằng văn bản.

3. Thời hạn sử dụng giấy phép sử dụng của dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ không quá 01 (một) năm.

4. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện cấp giấy phép sử dụng cho dân quân tự vệ.

5. Thu hồi giấy phép sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm các hành vi bị cấm quy định tại Khoản 5 Điều 16 Luật Dân quân tự vệ, Điều 5 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 và Điều 4 Nghị định số 25/2012/NĐ-CP;

b) Giải thể, sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính, cơ quan, tổ chức;

c) Khi hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, thôi, chuyển công tác;

d) Khi có quyết định thu hồi vũ khí, công cụ hỗ trợ trang bị cho dân quân

tự vệ của cấp có thẩm quyền.

6. Cấp có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng thì có quyền thu hồi.

7. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; Chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở trực tiếp quản lý giấy phép sử dụng của dân quân tự vệ thuộc quyền; cấp giấy phép sử dụng cho dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ theo mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thu hồi giấy phép sử dụng sau khi thực hiện xong nhiệm vụ; tuyệt đối không giao cho cá nhân quản lý giấy phép sử dụng ngoài thời gian làm nhiệm vụ. Giấy phép sử dụng được cấp đổi khi bị hỏng, cấp lại khi hết hạn sử dụng hoặc bị mất.

8. Mẫu Giấy phép sử dụng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP.

9. Giấy phép sử dụng của dân quân tự vệ không áp dụng trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện thường xuyên theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 7. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ**

1. Hồ sơ cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ lập thành 01(một) bộ, nộp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa chữa công cụ hỗ trợ. Trong văn bản phải kê khai rõ số lượng, chủng loại công cụ hỗ trợ cần sửa chữa, nơi dự định tiến hành sửa chữa;

b) Giấy giới thiệu của người đến liên hệ kèm theo Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh sĩ quan, Chứng minh quân đội còn giá trị sử dụng;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phải cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ.

2. Căn cứ vào số lượng, chủng loại, mức độ sửa chữa, khả năng của cơ sở sửa chữa để xác định thời hạn của giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ cho phù hợp.

#### **Điều 8. Vận chuyển vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ**

1. Vận chuyển vũ khí quân dụng thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21, vận chuyển công cụ hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển, mệnh lệnh hành quân, mệnh lệnh vận chuyển vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng.

3. Trường hợp vận chuyển công cụ hỗ trợ từ nơi mua đến kho hoặc nơi cất giữ thì giấy phép mua đồng thời là giấy phép vận chuyển. Trường hợp vận chuyển công cụ hỗ trợ để sửa chữa thì giấy phép sửa chữa đồng thời là giấy phép vận chuyển.

## **Điều 9. Tủ đựng súng cầm tay hạng nhỏ, công cụ hỗ trợ**

### **1. Tủ đựng súng cầm tay hạng nhỏ**

a) Tủ đựng súng cầm tay hạng nhỏ (sau đây gọi tắt là tủ súng) trang bị cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, đơn vị dân quân thường trực, dân quân cơ động trực sẵn sàng làm nhiệm vụ là loại tủ bằng sắt, phải có 02 (hai) khóa, loại khóa đạt tiêu chuẩn theo kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã giữ chìa của 01 (một) khóa, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã giữ chìa của khóa còn lại. Trường hợp 01 (một) trong 02 (hai) người đi vắng thì phải bàn giao chìa khóa cho chỉ huy đơn vị dân quân thường trực hoặc cơ động;

Chìa khóa tủ súng của các đơn vị dân quân thường trực, dân quân cơ động trực sẵn sàng làm nhiệm vụ do người chỉ huy đơn vị dân quân giữ chìa của 01 (một) khóa, chìa của khóa còn lại do người thay thế chỉ huy đơn vị giữ. Trường hợp 01 (một) trong 02 (hai) người đi vắng thì báo cáo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã quyết định người giữ chìa khóa. Cấm gửi hoặc cho mượn chìa khóa tủ súng;

b) Quy cách tủ súng, biển tên tủ súng, tem súng trong tủ súng, sắp xếp vũ khí, đạn và đồng bộ theo quy định hiện hành của Quân đội nhân dân Việt Nam.

### **2. Tủ đựng công cụ hỗ trợ**

a) Tủ đựng công cụ hỗ trợ là loại bằng sắt được trang bị cho: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; đơn vị dân quân thường trực, cơ động trực sẵn sàng làm nhiệm vụ; Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, đơn vị tự vệ nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở;

b) Tủ đựng công cụ hỗ trợ của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, đơn vị dân quân thường trực, cơ động trực sẵn sàng làm nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

c) Tủ đựng công cụ hỗ trợ của Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở phải có 02 (hai) khóa, loại khóa đạt tiêu chuẩn theo kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở giữ chìa của 01 (một) khóa, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở giữ chìa của khóa còn lại. Trường hợp 01 (một) trong 02 (hai) người đi vắng thì phải bàn giao chìa khóa cho người thay thế;

Chìa khóa tủ đựng công cụ hỗ trợ của các đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở do người chỉ huy đơn vị tự vệ giữ chìa của 01 (một) khóa, chìa của khóa còn lại do một chỉ huy cấp dưới trực tiếp hoặc người thay thế giữ. Trường hợp 01 (một) trong 02 (hai) người đi vắng thì báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức



quyết định người giữ chìa khóa. Cấm gửi hoặc cho mượn chìa khóa tủ đựng công cụ hỗ trợ.

## **Chương II**

### **TRANG BỊ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ CHO DÂN QUÂN TỰ VỆ**

#### **Điều 10. Trang bị vũ khí quân dụng cho dân quân tự vệ**

1. Trang bị súng tiểu liên AK cho 30% dân quân cơ động, thường trực xã, phường, thị trấn trọng điểm quốc phòng, an ninh nội địa; mỗi khẩu 10 viên đạn.

2. Trang bị súng tiểu liên AK cho 30% dân quân cơ động, 100% dân quân thường trực xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển, xã đảo; mỗi khẩu 20 viên đạn.

3. Trang bị súng tiểu liên, súng trường cho 20% dân quân cơ động xã, phường, thị trấn nội địa còn lại; mỗi khẩu 10 viên đạn; trường hợp tổ chức tiểu đội dân quân thường trực, trang bị cho lực lượng này 03 khẩu súng tiểu liên AK, mỗi khẩu 10 viên đạn.

4. Dân quân tự vệ biên chỉ trang bị vũ khí khi huấn luyện, hoạt động trong vùng nội thủy hoặc làm nhiệm vụ theo mệnh lệnh của Tư lệnh Quân khu, Tư lệnh Quân chủng Hải quân. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện hoặc đợt hoạt động thì thu lại, bảo quản tại kho vũ khí theo quy định.

5. Dân quân tại chỗ, các đơn vị tự vệ, dân quân tự vệ công binh, trinh sát, thông tin, phòng hóa, y tế chỉ trang bị vũ khí khi huấn luyện hoặc hoạt động theo chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch của cấp có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành huấn luyện hoặc đợt hoạt động thì thu lại, bảo quản tại kho vũ khí của Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

6. Cấp huyện biên giới, ven biển, đảo, tổ chức dân quân cơ động, thường trực được trang bị theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Cấp huyện nội địa tổ chức dân quân cơ động, thường trực được trang bị theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

7. Vũ khí trang bị cho dân quân cấp xã được quản lý tập trung, để trong tủ súng, đặt tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã. Các đơn vị dân quân thường trực, dân quân cơ động trực sẵn sàng làm nhiệm vụ, kho hoặc nơi cất giữ vũ khí do Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định. Đạn được lắp vào hộp tiếp đạn để trong bao đựng đạn, không lắp hộp tiếp đạn có đạn trực tiếp vào súng; chỉ được cấp đạn khi làm nhiệm vụ.

8. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã, chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo quản vũ khí được trang bị.

#### **Điều 11. Trang bị vũ khí cho dân quân tự vệ phòng không**

1. Đại đội pháo phòng không 37 mm-1 hoặc 23 mm được trang bị 04 khẩu, đồng bộ theo pháo và không cấp đạn.

2. Trung đội súng máy phòng không 14,5 mm hoặc 12,7 mm được trang bị 02 khẩu, đồng bộ theo súng và không cấp đạn.

3. Vũ khí được cất giữ tại kho vũ khí của cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp; chỉ trang bị khi thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập theo quyết định của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Tư lệnh Binh đoàn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh; sau khi hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập hoặc đợt hoạt động thì thu lại, bảo quản tại kho vũ khí của cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện hoặc nơi mượn.

4. Trong trực sẵn sàng chiến đấu, thời chiến thực hiện theo Chỉ thị, Mệnh lệnh của Bộ Tổng Tham mưu.

5. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo quản vũ khí được trang bị.

### **Điều 12. Trang bị vũ khí cho dân quân tự vệ pháo binh**

1. Đại đội pháo 105 mm, đại đội pháo 85 mm, đại đội pháo 76,2 mm được trang bị 04 khẩu, đồng bộ theo pháo và không cấp đạn.

2. Trung đội cối, trung đội ĐKZ được trang bị 02 khẩu, đồng bộ và không cấp đạn.

3. Khẩu đội cối 60 mm được trang bị 01 khẩu, đồng bộ và không cấp đạn.

4. Vũ khí được cất giữ tại kho vũ khí của cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp; chỉ trang bị khi thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập theo quyết định của Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Tư lệnh Binh đoàn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh; sau khi hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập hoặc đợt hoạt động thì thu lại, bảo quản tại kho vũ khí của cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện hoặc nơi mượn.

5. Trong trực sẵn sàng chiến đấu, thời chiến thực hiện theo Chỉ thị, Mệnh lệnh của Bộ Tổng Tham mưu.

6. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo quản vũ khí được trang bị.

### **Điều 13. Trang bị vũ khí thô sơ cho dân quân tự vệ**

1. Đối tượng được trang bị

a) Dân quân tự vệ cơ động, thường trực;

b) Dân quân tự vệ tại chỗ;

c) Dân quân tự vệ biển;

d) Dân quân tự vệ được huy động làm nhiệm vụ theo mệnh lệnh, chỉ thị và kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

2. Vũ khí thô sơ trang bị cho dân quân tự vệ, gồm: Các loại dao găm, kiếm, giáo, mác, lưới lê, đao, mã tấu, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, chông, cam, bẫy, vũ khí thô sơ tự tạo không nỏ khác.

3. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo quản vũ khí thô sơ được trang bị.

#### **Điều 14. Trang bị công cụ hỗ trợ cho dân quân tự vệ**

1. Đối tượng được trang bị

- a) Dân quân tự vệ cơ động, thường trực;
- b) Dân quân tự vệ tại chỗ;
- c) Dân quân tự vệ biển;
- d) Dân quân tự vệ được huy động làm nhiệm vụ theo mệnh lệnh, chỉ thị và kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

2. Công cụ hỗ trợ trang bị cho dân quân tự vệ, gồm:

- a) Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, đạn cao su, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này;
- b) Các loại lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nỏ;
- c) Súng bắn hơi cay, hơi ngạt, hơi độc, hơi gây mê; đạn nhựa, đạn cao su, đạn điện, đạn hóa chất đánh dấu; súng bắn từ trường, lade; pháo hiệu; các loại bình xịt hơi cay, hơi ngạt, hơi độc, hơi gây mê; áo giáp, lá chắn, mũ, áo chống đạn, khóa số 8, găng tay điện, găng tay bắt dao; các loại dùi cui, roi (điện, cao su, kim loại), trường côn, đoản côn;
- d) Động vật phục vụ cho nhiệm vụ của dân quân tự vệ.

3. Công cụ hỗ trợ quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này trang bị cho dân quân tự vệ được quản lý tập trung, để trong tủ công cụ hỗ trợ, đặt tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở. Đối với các đơn vị dân quân thường trực, dân quân cơ động trực sẵn sàng làm nhiệm vụ, đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, nơi đặt tủ đựng công cụ hỗ trợ do Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quy định.

4. Người Chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ, chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý động vật phục vụ cho nhiệm vụ của dân quân tự vệ quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này.

#### **Điều 15. Thẩm quyền quyết định trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ**

1. Thẩm quyền quyết định trang bị vũ khí quân dụng

- a) Cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị dân quân tự vệ theo quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 1 Điều 28 Luật Dân

quân tự vệ thì có quyền quyết định trang bị vũ khí cho đơn vị dân quân tự vệ quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này;

b) Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Tư lệnh Binh đoàn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định trang bị vũ khí cho các đơn vị dân quân tự vệ pháo binh, phòng không, công binh, trinh sát, phòng hóa, thông tin, y tế, hải đoàn tự vệ, hải đội tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ huấn luyện hoặc đợt hoạt động. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện hoặc đợt hoạt động thì thu lại, bảo quản tại kho vũ khí nơi cấp;

c) Khi cần thiết điều chỉnh về số lượng, chủng loại vũ khí trang bị, đạn quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này cho phù hợp với khả năng trang bị của quân đội, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và trình độ sử dụng vũ khí của dân quân tự vệ do Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị dân quân tự vệ, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị tự vệ thuộc doanh nghiệp quân đội quyết định trang bị vũ khí thô sơ cho đơn vị dân quân tự vệ thuộc quyền.

3. Cấp có thẩm quyền cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư này quyết định trang bị công cụ hỗ trợ cho dân quân tự vệ.

### **Chương III** **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VŨ KHÍ,** **CÔNG CỤ HỖ TRỢ CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ**

#### **Điều 16. Đăng ký vũ khí và công cụ hỗ trợ**

1. Nội dung đăng ký:

a) Vũ khí quân dụng;

b) Vũ khí thô sơ;

c) Công cụ hỗ trợ.

2. Cấp quản lý dân quân tự vệ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP có trách nhiệm đăng ký, quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.

3. Chế độ kiểm kê, điểm nghiệm thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng.

4. Mẫu đăng ký, quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ theo phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bộ Tổng Tham mưu in và cấp phát.

## **Điều 17. Trường hợp dân quân tự vệ được nổ súng**

1. Có lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh quân khu, Tư lệnh quân chủng hoặc người Chỉ huy được ủy quyền.

2. Khi làm nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu, tuần tra bảo vệ biên giới, biển, đảo, phát hiện chính xác địch ở mặt đất, trên biển hoặc trên không.

3. Khi phối hợp hoạt động theo quy chế, kế hoạch của cấp có thẩm quyền thì theo lệnh của người đứng đầu đơn vị chủ trì phối hợp ra lệnh nổ súng.

4. Khi thi hành nhiệm vụ độc lập, việc nổ súng phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 22 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 và chỉ được nổ súng trong các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 22 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 sau khi đã áp dụng các biện pháp tuyên truyền, giải thích, răn đe, sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng đối tượng vẫn không chấp hành, hoặc trong trường hợp cấp bách không có biện pháp nào khác để ngăn chặn đối tượng đang thực hiện hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng.

5. Dân quân tự vệ được giao sử dụng súng không phải chịu trách nhiệm khi việc nổ súng đã tuân thủ quy định tại Điều này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 18. Trường hợp dân quân tự vệ được sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ**

1. Khi huấn luyện, hội thi, hội thao theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

2. Khi huy động làm nhiệm vụ theo chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch, quy chế phối hợp hoạt động của cấp có thẩm quyền.

## **Điều 19. Chế độ kiểm tra vũ khí, công cụ hỗ trợ**

1. Chỉ huy đơn vị dân quân thường trực, đơn vị dân quân tự vệ làm nhiệm vụ huấn luyện, hội thi, hội thao và đơn vị dân quân tự vệ được huy động làm nhiệm vụ hằng ngày phải kiểm tra.

2. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hằng ngày phải kiểm tra kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ; mỗi tuần kiểm tra vũ khí, công cụ hỗ trợ của đơn vị dân quân thuộc quyền ít nhất một lần.

3. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan tổ chức ở cơ sở, Chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở mỗi tuần kiểm tra vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ của đơn vị tự vệ thuộc quyền ít nhất một lần.

4. Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương các cấp, người đứng đầu doanh nghiệp quân đội thực hiện chế độ kiểm tra theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng.

**Chương IV**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 và thay thế Thông tư số 99/2010/TT-BQP ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về trang bị, đăng ký và quản lý vũ khí, đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ

**Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

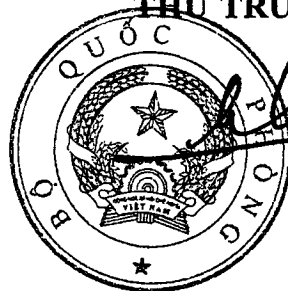
2. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Cục Dân quân tự vệ) để tổng hợp, báo cáo giải quyết. / *Ta*

**Nơi nhận:**

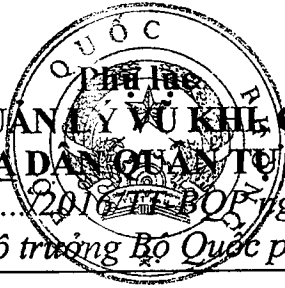
- Ban Bí thư TW Đảng (để b/c);
- Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTWMTTQVN; cơ quan TW của các đoàn thể;
- Tòa án NDTC, Viện kiểm sát NDTC, Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thủ trưởng BQP và CNTCCT;
- Các đầu mối trực thuộc BQP;
- BTLTP Hồ Chí Minh, BCHQS các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản/ Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, NCTH; U **350**

**M**

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Trung tướng Phan Văn Giang**



**MẪU ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ  
CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ**

(Kèm theo Thông tư số...15.../2016/TT-BQP ngày 16 tháng...5... năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

**Mẫu 1: Bia số** (trình bày trên giấy A4 khổ dọc)

**QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
BỘ TỔNG THAM MƯU**

**MẬT**

**SỐ**

**ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ  
HỖ TRỢ CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ**

Bộ CHQS tỉnh (thành phố):.....

Ban CHQS huyện (quận, thị xã):.....

Ban CHQS xã (cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ): .....

Từ ngày.....tháng.....năm...

Đến ngày.....tháng.....năm...

## Mẫu 2: Quy định dùng sổ

### QUI ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

1. Sổ đăng ký, quản lý vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ cấp cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở để đăng ký, quản lý vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.
2. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở rà soát, đăng ký theo quy định.
3. Khi đăng ký phải đúng theo mẫu biểu, ghi chép rõ ràng, sạch sẽ.
4. Sổ phải được cất giữ tại nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, đơn vị tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở. Người quản lý sổ khi thôi hoặc chuyển công tác, phải bàn giao sổ bằng văn bản.



Mẫu 3: Đăng ký vũ khí, trang bị của DQTV

ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ VŨ KHÍ QUÂN DỤNG, TRANG BỊ  
CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

TT	Họ và tên	Đơn vị	- Loại súng - Số súng	Đồng bộ				Đạn	Giấy phép sử dụng vũ khí	Ngày, tháng năm trả vũ khí	Ghi chú
				Lê	Thông nòng	Hộp phụ tùng	.....				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Mẫu 4: Đăng ký, quản lý công cụ hỗ trợ của DQTV

ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CÔNG CỤ HỖ TRỢ CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

TT	Họ và tên	Đơn vị	Loại công cụ hỗ trợ	Số hoặc ký hiệu	Giấy phép sử dụng CCHC	Ngày tháng năm trả CCHC	Gh chu 8
1	2	3	4	5	6	7	8